

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124 /2018/HNGĐ-ST.

Ngày 19-11- 2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp tài sản chung, nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý

Ông Cao Hoài Hiêm

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp tài sản chung, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/10/2018 giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981;

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1984

Chị D, anh Ph cùng địa chỉ: Ấp G Ng, xã P L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Re thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Bà Lý Thị Ng, sinh năm 1956, địa chỉ: Ấp G Ng, xã P L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

3.2- Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp B T, xã B Th, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

3.3- Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1960, địa chỉ: Ấp A Đ, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành Ph cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã P L. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà mẹ ruột hai tháng sau đó ra ở riêng. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng nhau trong sinh hoạt, thường xuyên gây gổ nhau, vợ chồng sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau hơn 01 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung gồm: Diện tích đất 397 m² thửa 160 tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp G Ng, xã P L, huyện Trảng Bàng, 01 căn nhà tường cấp 4 A ngang 4,7m dài 20,5m và các công trình phụ xây dựng trên đất; các loại tài sản trong nhà gồm: 01 cái giường ly vắng; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 máy lạnh; 01 tủ quần áo gỗ ván ép; 01 tủ quần áo nhôm; 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển số 70L1- 177.05 (anh Ph đang quản lý); tiền mặt 30.000.000 đồng (chị giữ). Ngoài ra không còn tài sản gì khác. Nguyên vọng yêu cầu chia đôi tài sản chung; chị nhận nhà đất thanh toán giá trị cho anh Ph.

Nợ chung: Nợ mẹ chồng tên Đặng Thị Th 10 (mười) chỉ vàng 24k 98%; nợ cô ruột tên Nguyễn Thị Kh 01 (một) chỉ vàng 24k 98%; nợ mẹ ruột tên Lý Thị Ng 30 (ba mươi) chỉ vàng 24k 98%. Ngoài ra không nợ ai khác. Nguyên vọng yêu cầu chia đôi trả.

Lời khai của anh Nguyễn Thành Ph (bị đơn) ngày 16/5/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng và lời khai tại phiên tòa đối với yêu cầu của nguyên đơn, anh Ph trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của chị D về ngày tháng kết hôn, con chung, tài sản chung, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Về nợ chung: Vợ chồng nợ bà Ng, bà Kh như chị D trình bày là đúng. Riêng số nợ bà Lý Thị Ng thì năm 2007 vợ chồng chỉ vay bà Ng 10 (mười) chỉ vàng 24k 98% và số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để mua đất. Năm 2017, anh có đưa cho chị D số tiền 25.000.000 đồng để trả cho bà Ng, khấu trừ như thế nào không biết nhưng nghe chị D nói lại là còn nợ bà Ng 05 chỉ vàng và 10.000.000 đồng. Việc đưa tiền cho chị D trả cho bà Ng không có chứng từ, không ai biết. **Nguyên vọng: Anh Ph yêu cầu được ly hôn với chị D; tài sản chung: Yêu cầu chia đôi; anh nhận nhà đất và thanh toán giá trị tài sản cho chị D; nợ chung: Chia đôi trả.**

Lời khai của bà Lý Thị Ng (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) ngày 16/5/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng và tại phiên tòa, bà Ng trình bày:

Bà là mẹ ruột chị D. Năm 2007, vợ chồng D – Ph có vay bà 30 (ba mươi) chỉ vàng 24k 98% để mua đất, việc cho vay không làm giấy tờ, không ai biết. Số vàng này bà giao cho chị D không có mặt anh Ph, từ ngày vay đến nay chị D chưa

trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng D – Ph trả 30 (ba mươi) chỉ vàng 24k 98% không yêu cầu trả lãi.

Lời khai của bà Đặng Thị Th (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) ngày 18/5/2018 tại Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng và tại phiên tòa, bà Th trình bày:

Bà là mẹ ruột anh Ph. Năm 2016, vợ chồng D – Ph có vay bà 10 (mười) chỉ vàng 24k 98% để sửa nhà, việc cho vay không làm giấy tờ, không ai biết. Nay yêu cầu vợ chồng D – Ph trả 10 (mười) chỉ vàng 24k 98% không yêu cầu trả lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Kh (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) ngày 17/5/2018 tại Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, bà Kh trình bày:

Bà là cô ruột chị D. Năm 2015, vợ chồng D – Ph có vay bà 01 (một) chỉ vàng 24k 98% để sửa nhà, việc cho vay không làm giấy tờ, không ai biết. Nay bà không yêu cầu vợ chồng D – Ph trả vàng.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Re phát biểu trong phần tranh luận: Về hôn nhân vợ chồng anh Ph đã thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ph; giao nhà đất cho anh Ph được sở hữu và sử dụng, anh Ph thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị D.

Về nợ chung: Anh Ph thừa nhận nợ bà Ng 05 chỉ vàng và 10.000.000 đồng nên đề nghị tòa xem xét lời trình bày của anh Ph.

Bà Ng, bà Th không trình bày ý kiến tranh luận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 59, 61, 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 474, 477 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định;

Về Hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thành Ph.

+ Về con chung: Không giải quyết.

+ Tài sản chung: Chia đôi tài sản chung của vợ chồng, giao tài sản chung cho một người quản lý, sử dụng. Người được quản lý, sử dụng tài sản chung có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho người còn lại.

+ Nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đặng Thị Th: Buộc chị D, anh Ph mỗi người trả ½ số nợ 10 chỉ vàng 24k cho bà Th.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Ng: Buộc chị D, anh Ph mỗi người trả ½ số nợ 10 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng cho bà Ng.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ng đòi chị D và anh Ph phần còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đối với bà Nguyễn Thị Kh mặc dù không yêu cầu giải quyết về số nợ. Tuy nhiên, anh Ph chị D đều đề nghị được trả nợ cho bà Kh để khấu trừ vào tài sản chung nên Tòa án đưa bà Kh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thành Ph kết hôn với nhau năm 2009, chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, tại phiên tòa chị D và anh Ph đều yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thành Ph là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Vợ chồng đều xác nhận có nợ bà Kh 01 chỉ vàng 24k 98% (tương đương số tiền 3.445.000 đồng/chỉ tại thời điểm xét xử), nợ bà Th 10 chỉ vàng 24k 98%. Về số nợ bà Ng, chị D trình bày vợ chồng vay bà Ng 30 chỉ vàng 24k 98%. Tuy nhiên, bà Ng, chị D đều không đề xuất được chứng cứ cho vay nên không có cơ sở xem xét. Anh Ph trình bày chỉ vay bà Ng 10 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng và có đưa cho chị D số tiền 25.000.000 đồng để trả cho bà Ng, hiện chỉ còn nợ bà Ng 05 chỉ vàng và 10.000.000 đồng. Chị D không thừa nhận, anh Ph cũng không đề xuất được chứng cứ chứng minh việc giao tiền cho chị D trả nợ bà Ng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị D anh Ph còn nợ bà Ng 10 chỉ vàng 24k và số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về tài sản: Chị D và anh Ph đều xác nhận các loại tài sản chung của vợ chồng nêu ở phần trên là đúng. Toàn bộ tài sản của vợ chồng chị D anh Ph trị giá thành tiền 481.139.000 đồng. Vợ chồng đóng góp công sức như nhau nên giải quyết chia đôi và phải có nghĩa vụ thanh toán nợ chung tương đương số tiền 92.345.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 37, 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và Gia

đình. Do nhà đất không thể chia đôi bằng hiện vật cho hai người được nên Hội đồng xét xử phân chia tài sản cho chị D, anh Ph cụ thể như sau:

- Chia cho chị Nguyễn Thị D được trọn quyền được sở hữu 01 căn nhà tường cấp 4 A ngang 4,7m dài 20,5m, các công trình phụ gắn liền với nhà và trọn quyền sử dụng diện tích đất 397 m² thửa 160 tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp G Ng, xã P L, huyện Trảng Bàng và các tài sản trong nhà gồm: 01 cái giường ly vắng; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 máy lạnh; 01 tủ quần áo gỗ ván ép; 01 tủ quần áo nhôm; tiền mặt 30.000.000 đồng; tổng tài sản chị D được chia trị giá thành tiền là 469.139.000 đồng.

- Chia cho anh Nguyễn Thành Ph được trọn quyền sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển số 70L1- 177.05 (anh Ph đang quản lý) trị giá thành tiền 12.000.000 đồng. Chị D có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho anh Ph số tiền 216.847.000 đồng.

- Chị D có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lý Thị Ng 10 chỉ vàng 24k 98% và 20.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Kh 01 chỉ vàng 24k 98%.

- Anh Ph trả cho bà Đặng Thị Th 10 chỉ vàng 24k 98%.

- Anh Ph trình bày hiện có khó khăn về chỗ ở nên xét cho anh Ph được lưu cư tại căn nhà (chia cho chị D) thời hạn 06 tháng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tại phiên toà; xét thấy việc chia mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ nợ chung là không phù hợp mà giao cho mỗi người trả nợ cho người thân của mình là đúng với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Chị D, anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí về hôn nhân và 12.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản. Bà Ng là người cao tuổi được miễn án phí theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 37, 59, 60, 62, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, điểm a, b khoản 5 Điều 27 điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử :

1/ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thành Ph.

2/ Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3/ Tài sản chung:

3.1- Chia cho chị Nguyễn Thị D được trọn quyền được sở hữu 01 căn nhà tường cấp 4 A ngang 4,7m dài 20,5m, các công trình phụ gắn liền với nhà và trọn quyền sử dụng diện tích đất 397 m² thửa 160 tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp G Ng, xã P L, huyện Trảng Bàng (trong đó: Thổ cư 100m², còn lại đất trồng cây lâu năm), tứ cận:

Đông giáp đất ông Đẹp 60,32m, Tây giáp đất bà Gái 61,52m.

Nam giáp đường nhựa 06m. Bắc giáp đất bà Lâm 06m.

Và các tài sản trong nhà gồm: 01 cái giường ly vắng gỗ tràm vàng, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lạnh, 01 tủ quần áo gỗ ván ép, 01 tủ quần áo nhôm và số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng chị D đang giữ.

3.2- Chia cho anh Nguyễn Thành Ph được trọn quyền sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển số 70L1- 177.05 (hiện anh Ph đang quản lý).

3.3- Chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho anh Nguyễn Thành Ph số tiền 216.847.000 (hai trăm mười sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

3.4- Anh Nguyễn Thành Ph được lưu cư tại căn nhà (chia cho chị D) thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích như quyết định của bản án này.

4/ Nợ chung: Chấp nhận yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đặng Thị Th, bà Nguyễn Thị Kh; chấp nhận một phần yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lý Thị Ng;

4.1- Chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lý Thị Ng 10 (mười) chỉ vàng 24k 98% và 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Kh 01(một) chỉ vàng 24k 98%.

4.2- Anh Nguyễn Thành Ph có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Th 10 (mười) chỉ vàng 24k 98%.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5/ Tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản 1.600.000 đồng chị D chịu (ghi nhận đã thanh toán xong).

6/ Về án phí:

6.1- Chị Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 150.000 đồng án phí về hôn nhân và 12.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản; hai khoản án phí chị D phải

chịu số tiền 12.178.000 đồng; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.425.000 đồng chi D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009940 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, chi D còn phải nộp số tiền 9.753.000 (chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

6.2- Anh Nguyễn Thành Ph phải chịu 150.000 đồng án phí về hôn nhân và 12.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản; hai khoản án phí chi D phải chịu số tiền 12.178.000 (mười hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

6.3- Hoàn trả bà Đặng Thị Th số tiền 925.000 (chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà Ng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009998 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

6.4- Hoàn trả bà Lý Thị Ng số tiền 2.775.000 (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà Ng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009986 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tây Ninh;
- VKS Trảng Bàng;
- THADS Trảng Bàng;
- UBND xã P L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm